

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định cơ chế thực hiện đầu tư công trình quy mô nhỏ,
kỹ thuật đơn giản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07 tháng 8 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21 tháng 03 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-UBND-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18 tháng 11 năm 2013 của liên bộ Ủy ban Dân tộc - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Thực hiện Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ

phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Theo đề nghị của Ban Dân tộc tại Tờ trình số 71/TTr-BDT ngày 10 tháng 3 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cơ chế thực hiện đầu tư công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đàm Văn Eng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về cơ chế thực hiện đầu tư công trình quy mô nhỏ,
kỹ thuật đơn giản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND
ngày 7 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về cơ chế thực hiện đầu tư công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và cộng đồng có liên quan thực hiện đầu tư công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
3. Những nội dung khác không quy định trong Quy định này, áp dụng theo quy định pháp luật về xây dựng.

Điều 2. Mục đích

- Tạo điều kiện để người dân trực tiếp tham gia thực hiện Chương trình của các dự án tại địa phương;
- Người dân địa phương có việc làm, sử dụng kiến thức, lao động đơn giản và vật liệu sẵn có tại địa phương từ đó tăng thu nhập, trực tiếp xóa đói giảm nghèo;
- Tăng cường quyền làm chủ của người dân địa phương và tính bền vững của công trình.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

- Công trình có kỹ thuật đơn giản: Là công trình người dân địa phương có thể tự thi công, chủ yếu dùng lao động thủ công và nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương.
- Công trình quy mô nhỏ: Là công trình có tổng mức đầu tư dưới 01 tỷ đồng (không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng). Các công trình tuy có quy mô dưới 01 tỷ đồng, nhưng kỹ thuật phức tạp thì không áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình theo Quy định này.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện đầu tư

1. Việc lựa chọn, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư của từng công trình do chính người dân địa phương bàn bạc dân chủ, công khai và quyết định trên cơ sở các quy chuẩn của Nhà nước, khả năng huy động nguồn lực đầu tư.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội ở địa phương chủ yếu đóng vai trò đôn đốc, hướng dẫn, hỗ trợ nguồn lực, tổ chức điều hành quá trình xây dựng kế hoạch, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện, tạo điều kiện, động viên tinh thần, vận động nhân dân thực hiện vai trò làm chủ thông qua cộng đồng.

2. Mặt bằng xây dựng công trình do nhân dân vùng hưởng lợi đóng góp.
3. Kế thừa và lồng ghép các Chương trình mục tiêu Quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu, chương trình, dự án khác trên địa bàn nông thôn để thực hiện xây dựng nông thôn mới.
4. Việc lựa chọn, áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình (do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành) phải phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng công trình cụ thể; không áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với công trình có kỹ thuật phức tạp, mang tính nghệ thuật cao (mặc dù quy mô vốn đầu tư dưới 01 tỷ đồng).

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 5. Quy trình lập kế hoạch đầu tư công trình

1. Căn cứ vào kế hoạch trung hạn và dài hạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Ủy ban nhân dân xã triển khai công tác lập kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội có sự tham gia của người dân (tổ chức họp dân tại các thôn), thông báo mức vốn được đầu tư, thống nhất lựa chọn danh mục công trình trên địa bàn. Trên cơ sở danh mục do người dân lựa chọn, Ủy ban nhân dân xã tổng hợp danh mục công trình đầu tư xây dựng trên địa bàn trong năm tới (kể cả các công trình áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình) sắp xếp thứ tự ưu tiên (theo thứ tự công trình có nhiều hộ hưởng lợi nhất, địa bàn khó khăn nhất, nhiều ý kiến ủng hộ nhất). Các ý kiến tham gia của nhân dân được ghi thành biên bản và lưu giữ trong hồ sơ dự án của từng công trình.

2. Căn cứ danh mục công trình và kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản của địa phương, Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng năm tới, đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân huyện và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét, bố trí kế hoạch vốn đầu tư để triển khai thực hiện.

- Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp danh mục đầu tư của Chương trình trên toàn huyện gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định và trả lời bằng văn bản trước khi trình Hội đồng nhân dân huyện thông qua phương án phân bổ chỉ tiêu kinh phí đầu tư chi tiết công trình trong năm.

Sau khi có Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch năm của Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã giao ban quản lý dự án xã thông báo, phổ biến đến xóm và tiến hành lập dự toán đầu tư công trình trên cơ sở lựa chọn thiết kế mẫu, thiết kế điển hình phù hợp với địa phương.

Điều 6. Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán đầu tư công trình và cấp mã số dự án

1. Lập dự toán đầu tư công trình (sau đây gọi tắt là dự toán)

a. Lập dự toán

- Ban Quản lý dự án xã cử cán bộ chuyên môn (hoặc thuê tổ chức tư vấn với giá thỏa thuận hợp lý, tiết kiệm) phối hợp với trưởng xóm tiến hành lập dự toán

đầu tư công trình. Sau khi lập dự toán, tổ chức họp dân, lấy ý kiến của người dân trong xóm, thống nhất về các nội dung của dự toán và các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân.

- Ban quản lý dự án xã hoàn chỉnh dự toán theo các ý kiến đã thống nhất tại cuộc họp dân, gửi phòng Kế hoạch - Tài chính của huyện thẩm tra, sau đó trình Ủy ban nhân dân xã phê duyệt.

b. Nội dung dự toán

- Tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, chủ đầu tư, quy mô công trình, tiêu chuẩn kỹ thuật theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, thời gian thực hiện và nội dung khác.

- Giá trị dự toán, trong đó gồm chi phí nhà nước hỗ trợ, đóng góp của nhân dân, huy động khác, hình thức đóng góp, nguồn vốn đầu tư công trình và quy định thanh quyết toán.

- Bản vẽ thi công công trình theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Khả năng tự thực hiện của nhân dân, cộng đồng hưởng lợi.

(Nội dung dự toán thực hiện theo mẫu Phụ lục I “Dự toán đầu tư công trình” ban hành kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07 tháng 8 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

2. Thẩm định dự toán

a. Hồ sơ trình thẩm định gồm: Tờ trình đề nghị thẩm định, hồ sơ dự toán, biên bản các cuộc họp thôn, xóm, báo cáo thẩm tra của phòng chuyên môn huyện và các văn bản pháp lý khác có liên quan đến đầu tư công trình (nếu có).

b. Tổ thẩm định: Ủy ban nhân dân xã thành lập tổ thẩm định, thành phần gồm: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã làm tổ trưởng, cán bộ Tài chính - Kế toán xã, cán bộ chuyên môn của Ủy ban nhân dân xã, người có chuyên môn do cộng đồng bình chọn, đề cử, đại diện ban giám sát đầu tư cộng đồng (được thành lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTWMTTQVN-TC ngày 04 tháng 12 năm 2006). Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân xã có thể mời các cán bộ chuyên môn phù hợp thuộc các phòng ban chức năng của Ủy ban nhân dân huyện tham gia vào tổ thẩm định để hỗ trợ thực hiện. Thời gian thẩm định không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

c. Nội dung thẩm định

- Tính khả thi về mặt kỹ thuật; mặt bằng thi công; khả năng huy động vốn (Nhà nước, đóng góp của nhân dân, các nguồn lực khác).

- Sự phù hợp của công trình với quy hoạch, kế hoạch tổng thể phát triển cơ sở hạ tầng của địa phương.

- Tính hợp lý của các chi phí so với mặt bằng giá tại địa phương, với các công trình tương tự đã và đang thực hiện.

- Khả năng tự thực hiện của người dân và cộng đồng được giao thi công công trình.

Tổ thẩm định phải báo cáo kết quả bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân xã. Trường hợp ý kiến thẩm định chưa thống nhất với dự thảo dự toán, phải ghi nội

dung chưa thống nhất trong báo cáo kết quả thẩm định để ban quản lý dự án xã điều chỉnh, bổ sung.

(Báo cáo kết quả thẩm định dự toán đầu tư công trình theo Phụ lục II “Báo cáo kết quả thẩm định dự toán đầu tư công trình...” ban hành kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07 tháng 8 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

d. Thời gian thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Phê duyệt dự toán: Ủy ban nhân dân xã phê duyệt dự toán trên cơ sở dự toán do ban quản lý dự án xã trình và báo cáo kết quả thẩm định của tổ thẩm định.

4. Cấp mã dự án: Việc đăng ký mở mã số dự án đầu tư sẽ giúp các cơ quan quản lý sử dụng nhận diện đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, các đơn vị khác có quan hệ với ngân sách và dự án đầu tư xây dựng cơ bản, kèm theo các chỉ tiêu quản lý của từng đơn vị, từng dự án đầu tư nhằm phục vụ công tác quản lý ngân sách Nhà nước.

4.1. Thành phần thực hiện: Ủy ban nhân dân xã; phòng Tài chính - Kế hoạch của huyện.

4.2. Trình tự thực hiện

Sau khi có quyết định phê duyệt tổng dự toán công trình, Ủy ban nhân dân xã tiến hành lập hồ sơ đăng ký cấp mã số dự án đầu tư, trình phòng Tài chính - Kế hoạch của huyện.

Nội dung hồ sơ bao gồm:

- Tờ khai đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách theo mẫu số 04-MSNS-BTC ban hành kèm theo Quyết định số 51/2008/QĐ-BTC ngày 14 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài chính.

- Quyết định phê duyệt đầu tư của cấp có thẩm quyền hoặc Quyết định phê duyệt tổng dự toán công trình (bản sao có đóng dấu xác nhận của đơn vị).

- Quyết định giao kế hoạch vốn của Ủy ban nhân dân cấp xã (bản sao có đóng dấu xác nhận của đơn vị).

Phòng Tài chính - Kế hoạch của huyện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, nếu đủ điều kiện cấp mã số thì lập bảng thống kê dự án đề nghị cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách theo mẫu số 08B-MSNS-BTC ban hành kèm theo Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2007 của Bộ Tài chính, gửi Sở Tài chính đề nghị phê duyệt cấp mã số dự án đầu tư.

Điều 7. Chi phí đầu tư xây dựng công trình

1. Chi phí đầu tư xây dựng công trình, bao gồm:

- Chi phí vật liệu;

- Chi phí máy thi công;

- Chi phí nhân công;

- Chi phí quản lý dự án bằng 2,2% tổng giá trị chi phí xây dựng và thiết bị công trình.

- Chi phí khảo sát (nếu có): Lập dự toán chi phí khảo sát xây dựng theo quy định hiện hành hoặc giá thỏa thuận đảm bảo hợp lý và tiết kiệm (thấp hơn giá trong định mức đơn giá).

- Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công công trình (nếu có)

Mức chi phí để lập thiết kế bản vẽ thi công được tính bằng tỷ lệ (%) của tổng chi phí xây dựng và chi phí thiết bị trong thiết kế bản vẽ thi công được duyệt và được quy định theo từng loại công trình như: Công trình dân dụng bằng 2,44%; công trình giao thông bằng 2,1%; công trình thủy lợi bằng 2,34%; công trình nước sinh hoạt tập trung bằng 2,25%.

- Chi phí giám sát: Ban giám sát xã được hưởng chi phí giám sát bằng 1% chi phí xây dựng khi chưa tính thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Chi phí lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng không quá 0,4% chi phí xây dựng khi chưa tính thuế giá trị gia tăng.

2. Không đưa vào dự toán các chi phí: Đền bù giải phóng mặt bằng; chi phí chung; chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công.

Điều 8. Lựa chọn nhà thầu

1. Các tổ chức, cộng đồng tham gia đấu thầu phải đáp ứng các điều kiện:

- Các tổ chức đoàn thể xã hội như: Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, đoàn thanh niên... phải có ít nhất trên 50% số thành viên đồng ý để tổ chức đoàn thể tham gia đấu thầu; có đủ thời gian, lao động và kinh nghiệm thực hiện gói thầu đảm bảo theo kế hoạch được duyệt.

- Nhóm hộ gia đình, nhóm người dân: Các thành viên trong nhóm là người dân địa phương (có hộ khẩu thường trú tại xã); có đủ thời gian, người lao động và kinh nghiệm thực hiện gói thầu đảm bảo theo kế hoạch được duyệt; người đại diện nhóm cộng đồng không đang trong thời gian chấp hành án, là người có kinh nghiệm, có uy tín, đã trực tiếp thực hiện hoặc chỉ đạo thực hiện gói thầu xây lắp đạt kết quả tốt được người dân địa phương thừa nhận.

2. Các bước thực hiện

Bước 1: Khảo sát thiết kế công trình

Các công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản áp dụng thiết kế điển hình, thiết kế mẫu do cơ quan chức năng cung cấp. Các gói thầu cộng đồng không cần thiết phải lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

Khi cung cấp thiết kế điển hình, thiết kế mẫu cho công trình, các cơ quan chức năng cung cấp đầy đủ cả khối lượng và dự toán chi tiết, tổng dự toán cho Ủy ban nhân dân xã.

Bước 2: Kế hoạch đấu thầu

Căn cứ vào thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán công trình, Ủy ban nhân dân xã (hoặc đơn vị tư vấn được thuê) dưới sự hỗ trợ của cán bộ các phòng, ban huyện tiến hành lập kế hoạch đấu thầu tương tự như phần đấu thầu rộng rãi.

- Nội dung của kế hoạch đấu thầu, gồm: Tên gói thầu (đặt tên cho gói thầu sao cho phù hợp với mục đích công việc phải làm như dự án đã quy định); giá trị gói thầu (được xác định trong kế hoạch đấu thầu trên cơ sở tổng vốn đầu tư hoặc dự toán công trình được phê duyệt); nguồn vốn cho gói thầu; hình thức lựa chọn nhà thầu (đấu thầu cộng đồng); thời gian lựa chọn nhà thầu (được tính từ khi Ủy ban nhân dân xã thông báo công khai về gói thầu đến khi ký kết được hợp đồng với nhóm cộng đồng được lựa chọn); hình thức hợp đồng (do tính chất của các công

việc, công trình là đơn giản, nhỏ lẻ nên Ủy ban nhân dân xã ghi rõ hình thức hợp đồng là trọn gói); thời gian thực hiện hợp đồng (không quá 01 năm).

- Trình thẩm định kế hoạch đấu thầu: Ủy ban nhân dân xã làm tờ trình kế hoạch đấu thầu gửi các phòng, ban chức năng của huyện xem xét, thẩm định. Hồ sơ trình gồm: Tờ trình; kế hoạch đấu thầu; các tài liệu liên quan khác.

- Các phòng, ban huyện tiến hành thẩm định kế hoạch đấu thầu.

- Ủy ban nhân dân xã ra quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu.

Bước 3: Thông báo mời thầu

- Căn cứ vào kế hoạch đấu thầu đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân xã thông báo công khai về công trình xây dựng hoặc hàng hoá cung cấp để mọi người dân trong xã biết và đăng ký tham gia.

- Hình thức thông báo: Thông báo trên các phương tiện truyền thanh công cộng; thông báo trên bảng tin của xóm, xã; thông báo bằng văn bản đến các xóm.

Bước 4: Lập tiêu chí xét chọn nhà thầu

- Ủy ban nhân dân xã lập các tiêu chí để xét chọn cộng đồng thi công. Tiêu chí lựa chọn cần đơn giản, dễ hiểu và sát với yêu cầu cụ thể của từng công trình cũng như điều kiện cụ thể của từng xã, xóm. Ngoài tiêu chí về giá, cũng cần xét đến một số tiêu chí như: Cộng đồng thi công phải đảm bảo có thợ cả chỉ đạo, thợ cả phải có kinh nghiệm thi công các công trình có tính chất tương tự trên địa bàn, ưu tiên thợ cả có tay nghề cao, nhiều kinh nghiệm thi công; ưu tiên cộng đồng có nhiều phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người nghèo trong xóm thực hiện, phương châm “xã có công trình, dân có việc làm tăng thu nhập nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người dân”....

Bước 5: Tổ chức họp bàn công khai với cộng đồng dân cư ở địa phương để giới thiệu về công việc cần phải làm nhằm cung cấp cho người dân các thông tin cần thiết về gói thầu.

Nội dung thông tin: Mô tả công trình, địa điểm xây dựng; yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật, vật liệu sử dụng, chất lượng của công trình; yêu cầu về mỹ thuật; giá gói thầu dự kiến; thời hạn đăng ký tham gia dự thầu.

Bước 6: Công tác chuẩn bị thương thảo hợp đồng

- Tổ chức đoàn thể, nhóm cộng đồng chuẩn bị các tài liệu, nhân lực để tham gia thương thảo và đấu thầu.

- Căn cứ khối lượng công việc, yêu cầu kỹ thuật, nguyên vật liệu, ngày công lao động, tổ chức đoàn thể hoặc nhóm cộng đồng thảo luận thống nhất về giá dự thầu và những điều kiện thực hiện gói thầu để chuẩn bị cho quá trình thương thảo và đấu thầu.

- Tổ chức đoàn thể, nhóm cộng đồng cử 01 người đại diện để tham gia thương thảo (người đại diện phải được sự nhất trí của ít nhất 70% số người trong nhóm và phải có văn bản xác nhận cụ thể của trưởng nhóm).

- Chuẩn bị những tài liệu cần thiết liên quan đến năng lực thực hiện gói thầu: Số lượng người lao động, kinh nghiệm, trình độ tay nghề, nguyên vật liệu, dự kiến phương án thi công thực hiện gói thầu (phải có danh sách nhân lực, kinh nghiệm, trình độ tay nghề và phải đề xuất phương án thi công sơ bộ).

Bước 7: Lựa chọn nhà thầu cộng đồng

- Trường hợp chỉ có một tổ chức đoàn thể hoặc một nhóm cộng đồng đứng ra nhận thực hiện gói thầu thì tổ chức đoàn thể, nhóm cộng đồng đó phải cử một người đại diện để thương thảo với Ủy ban nhân dân xã. Trong quá trình thương thảo, Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm giải thích rõ mục đích, ý nghĩa và nhiệm vụ cần thực hiện của nhà thầu.

Những vấn đề chính được thảo luận gồm: Khối lượng công việc phải làm; giá trị được thanh toán (ngày công lao động); thời gian hoàn thành công việc; chất lượng công việc phải đạt được và điều kiện nghiệm thu, ký kết biên bản nghiệm thu để làm cơ sở cho việc thanh toán; danh sách người dân cam kết tham gia thực hiện công việc.

- Trường hợp có nhiều tổ chức đoàn thể, nhóm cộng đồng muốn thực hiện gói thầu thì nhà thầu nào đưa ra mức giá thấp nhất, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng, thời gian hoặc đã được làm các công trình tương tự sẽ thắng thầu và được mời thương thảo để ký kết hợp đồng. Nếu thương thảo không được thì mời tiếp tổ chức đoàn thể có giá thấp thứ hai, thứ ba theo thứ tự đến khi ký được hợp đồng.

Bước 8: Lập văn bản đề nghị thẩm định và phê duyệt kết quả đấu thầu

- Ủy ban nhân dân xã làm tờ trình gửi phòng Tài chính - Kế hoạch của huyện thẩm định kết quả đấu thầu. Nội dung gồm: Các chứng minh công trình được áp dụng theo hình thức tự làm (mức vốn nhỏ, tính chất đơn giản, sử dụng lao động thủ công là chủ yếu, vật liệu sử dụng cho công trình có thể khai thác tại chỗ...); chứng minh cho thấy nhà thầu được lựa chọn có đủ năng lực tự thi công công trình (nêu rõ tên của tổ chức, nhóm cộng đồng có thể đảm nhận, năng lực thi công, kinh nghiệm và uy tín của nhóm này...); giá trị của công trình được duyệt trong báo cáo đầu tư (hoặc dự toán công trình); thời gian xây dựng; các vấn đề liên quan khác.

- Các phòng, ban của huyện thẩm định và có báo cáo thẩm định. Thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Ủy ban nhân dân xã ra quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu.

Bước 9: Đàm phán và ký hợp đồng

- Khi có kết quả phê duyệt, Ủy ban nhân dân xã tiến hành mời và đàm phán ký hợp đồng theo nguyên tắc sau: Giá ký kết hợp đồng không được vượt dự toán của công trình đã phê duyệt; cam kết thực hiện đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật, chất lượng, thời gian thi công.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ký hợp đồng với người đứng ra đại diện nhận thầu thi công.

3. Ban quản lý dự án xã có trách nhiệm cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ xóm, nhóm cộng đồng thi công đảm bảo chất lượng.

Điều 9. Giám sát công trình

- Ủy ban nhân dân xã thành lập ban giám sát đầu tư của xã để giám sát các công trình đầu tư trên địa bàn.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã thành lập ban giám sát cộng đồng thực hiện theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 04 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế giám sát đầu tư cộng đồng; Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04 tháng 12 năm 2006 của Bộ

kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng. Kinh phí hoạt động của ban giám sát đầu tư cộng đồng thực hiện theo Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04 tháng 12 năm 2006.

Ban giám sát dự án xã, ban giám sát cộng đồng xã, nhóm hộ hưởng lợi có trách nhiệm giám sát trong quá trình thi công công trình. Công tác giám sát thi công công trình phải được thực hiện thường xuyên, liên tục và có hệ thống để ngăn ngừa sai phạm kỹ thuật, đảm bảo việc nghiệm thu khối lượng, chất lượng các công trình được thi công theo đúng thiết kế.

Điều 10. Nghiệm thu công trình

1. Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình hoàn thành. Thành phần tham gia nghiệm thu gồm: Đại diện chủ đầu tư; đại diện đơn vị tư vấn lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (nếu có); đại diện tổ chức, đơn vị thi công; đại diện giám sát của chủ đầu tư (hoặc tư vấn giám sát); đại diện giám sát cộng đồng; đại diện tổ chức, cá nhân quản lý sử dụng công trình; đại diện cộng đồng dân cư hưởng lợi công trình. Tùy từng trường hợp cụ thể, chủ đầu tư có thể mời thêm thành phần có liên quan tham gia nghiệm thu.

Đối với công trình thuộc đối tượng phải thẩm tra thiết kế (đồng thời là đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu) theo quy định tại Điều 21, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP của Chính phủ, chủ đầu tư phải báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng để thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định.

2. Bàn giao quản lý, khai thác công trình

Sau khi nghiệm thu, chủ đầu tư bàn giao công trình cho Ủy ban nhân dân xã để giao cho tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý sử dụng (cử đại diện bàn giao ba bên: Chủ đầu tư - thi công - tổ chức, cá nhân hưởng lợi) và bàn giao ít nhất 01 bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công trình cho Ủy ban nhân dân xã (trừ công trình điện giao cho ngành điện lực quản lý); thông báo công khai đến người dân giá trị công trình được quyết toán.

Điều 11. Thanh toán vốn tại Kho bạc Nhà nước

1. Thủ tục thanh toán

1.1. Đăng ký sử dụng tài khoản

Chủ Đầu tư được mở tài khoản thanh toán vốn tại Kho bạc Nhà nước huyện, nơi mở tài khoản giao dịch của ngân sách xã. Hồ sơ mở tài khoản, mẫu hồ sơ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 61/2014/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước trong điều kiện áp dụng hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc, cụ thể như sau:

- Giấy đăng ký sử dụng tài khoản và mẫu dấu, mẫu chữ ký: 03 bản, theo mẫu số 01a/MTK đối với trường hợp mở mới; 03 bản, theo mẫu số 01b/MTK đối với trường hợp bổ sung tài khoản; 03 bản, giấy đề nghị thay đổi mẫu dấu chữ ký theo mẫu số 02/MTK, đối với trường hợp thay đổi mẫu dấu, mẫu chữ ký.

- Quyết định thành lập ban quản lý dự án hoặc quyết định phê duyệt dự án, quyết định giao nhiệm vụ đơn vị chủ đầu tư;

- Quyết định bổ nhiệm chức vụ của chủ tài khoản, kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (nếu chưa nêu trong quyết định thành lập ban quản lý dự án, quyết định phê duyệt dự án, quyết định giao nhiệm vụ đơn vị chủ đầu tư);

- Giấy chứng nhận đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách theo mẫu số 06A-MSNS-BTC hoặc mẫu số 06B-MSNS-BTC ban hành kèm theo Quyết định số 90/2007/QĐ-BTC của Bộ tài chính.

* **Lưu ý:** Đối với đơn vị chủ đầu tư có nhiều dự án hoặc dự án được bố trí từ nhiều nguồn ngân sách, hoặc ban quản lý dự án xã được giao quản lý nhiều dự án hoặc dự án được bố trí từ nhiều nguồn ngân sách:

Nếu dự án có cùng người ký chữ ký thứ nhất (chữ ký của chủ tài khoản và người được ủy quyền) và người ký chữ ký thứ hai (chữ ký của kế toán trưởng và người được ủy quyền) và cùng một mẫu dấu: Ban quản lý dự án, đơn vị chủ đầu tư chỉ cần lập và gửi Kho bạc Nhà nước 01 bộ hồ sơ đăng ký sử dụng tài khoản kèm bảng kê đăng ký sử dụng tài khoản chi tiết (theo mẫu số 06a/MTK hoặc mẫu số 06b/MTK).

Nếu dự án không cùng người ký chữ ký thứ nhất (chữ ký của chủ tài khoản và người được ủy quyền) và chữ ký thứ hai (chữ ký của kế toán trưởng và người được ủy quyền) hoặc khác mẫu dấu: Ban quản lý dự án, đơn vị chủ đầu tư lập và gửi Kho bạc Nhà nước hồ sơ đăng ký và sử dụng tài khoản cho từng dự án.

1.2. Hồ sơ tài liệu chủ đầu tư gửi Kho bạc Nhà nước để kiểm soát, thanh toán

a. Hồ sơ gửi 1 lần (hoặc gửi bổ sung dự toán điều chỉnh):

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư, gồm: Quyết định giao dự toán chi Ngân sách Nhà nước hàng năm của Ủy ban nhân dân xã về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho từng công trình; dự toán, quyết định phê duyệt dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư của Ủy ban nhân dân xã; văn bản giao nhiệm vụ chủ đầu tư của Ủy ban nhân dân huyện; văn bản thẩm định danh mục công trình của cơ quan có thẩm quyền; văn bản thẩm định nguồn vốn của cơ quan có thẩm quyền; quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu, chỉ định thầu của Ủy ban nhân dân xã; hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu.

- Giai đoạn thực hiện đầu tư, gồm: Quyết định giao dự toán chi ngân sách Nhà nước hàng năm của Ủy ban nhân dân xã về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho từng công trình; quyết định đầu tư công trình hạ tầng của Ủy ban nhân dân huyện (trường hợp quyết định đầu tư của nhiều công trình thì gửi 1 bản quyết định và danh mục công trình kèm theo); dự toán công trình và văn bản phê duyệt của Ủy ban nhân dân xã; văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu; các tài liệu kèm theo hợp đồng (trừ các tài liệu mang tính kỹ thuật).

* **Lưu ý:** Một số loại tài liệu Kho bạc Nhà nước phải lưu bản chính (không nhận bản sao có đóng dấu chứng thực) gồm: Quyết định phê duyệt dự án; quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật, dự toán, bản vẽ thiết kế; quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu hoặc chỉ thầu; hợp đồng kinh tế.

b. Hồ sơ gửi từng lần khi tạm ứng, thanh toán

Kho bạc Nhà nước thanh toán cho chủ đầu tư để tạm ứng vốn cho nhà thầu theo hợp đồng hoặc để thực hiện các công việc cần thiết phải tạm ứng trước được quy định cụ thể trong hợp đồng; việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi hợp đồng

có hiệu lực. Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng và việc thu hồi tạm ứng thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước đối với từng loại hợp đồng, cụ thể như sau:

- Mức vốn tạm ứng của các hợp đồng thực hiện trong năm tối đa là 50% đối với kế hoạch vốn giao hàng năm cho dự án. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm xác định mức tạm ứng cho từng hợp đồng cụ thể, đảm bảo mức tạm ứng của cả dự án theo quy định.

- Hồ sơ đề nghị tạm ứng: Ngoài hồ sơ ban đầu gửi 1 lần hoặc bổ sung (nếu có) chủ đầu tư lập hồ sơ tạm ứng gửi đến Kho bạc Nhà nước gồm:

Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, theo mẫu số 03 của Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính;

Giấy rút vốn đầu tư, theo mẫu số C3-01/NS; Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng, ứng trước vốn đầu tư, theo mẫu số C3-02/NS (trường hợp thanh toán tạm ứng); Giấy rút dự toán, theo mẫu số C2-02/NS; Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng, theo mẫu số C2-03/NS (đối với công trình cấp bằng dự toán) của Quyết định số 759/QĐ-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính; giấy bảo lãnh tạm ứng (là bản sao có đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư), nếu trường hợp giao xóm hặc nhóm hộ hưởng lợi tự thực hiện thì không cần phải bảo lãnh tạm ứng.

- Thu hồi tạm ứng: Vốn tạm ứng được thu hồi qua từng lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng. Mức thu hồi từng lần do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu và quy định cụ thể trong hợp đồng.

- Thanh toán khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành: Ngoài hồ sơ ban đầu gửi 1 lần theo qui định, chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi đến Kho bạc Nhà nước, như sau:

Đối với thanh toán khối lượng hoàn thành theo hợp đồng: Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành đề nghị thanh toán (theo mẫu phụ lục 04 Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính); Giấy rút vốn đầu tư (theo mẫu số C3-01/NS), Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng, ứng trước vốn đầu tư (trường hợp thanh toán tạm ứng, theo mẫu số C3-02/NS), Giấy rút dự toán (theo mẫu số C2-02/NS), Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng (đối với công trình cấp bằng dự toán, theo mẫu số C2-03/NS) của Quyết định số 759/QĐ-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Đối với thanh toán khối lượng hoàn thành không thông qua hợp đồng: Đối với các công việc chủ đầu tư trực tiếp thực hiện, các khoản chi quản lý dự án không thông qua hợp đồng kinh tế, việc thanh toán phù hợp với từng loại công việc nằm trong dự toán được duyệt, hồ sơ thanh toán gồm: Bảng kê khối lượng công việc hoàn thành do chủ đầu tư lập; dự toán được duyệt cho từng công việc; Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc tạm ứng, Giấy rút vốn đầu tư.

Đối với thanh toán khối lượng hoàn thành do người dân trong xã tự làm:

+ Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc hoàn thành đề nghị thanh toán có xác nhận của ban giám sát đầu tư của cộng đồng;

+ Đơn giá vật liệu mua hoặc tự khai thác tại địa phương, được áp dụng theo thông báo giá hàng quý của phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;

+ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư (theo phụ lục 3, Thông tư số 28/2012/TT-BTC); Giấy rút vốn đầu tư (theo mẫu số C3-01/NS), Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng, ứng trước vốn đầu tư (trường hợp thanh toán vốn tạm ứng, theo mẫu số C3-02/NS), Giấy rút dự toán (theo mẫu số C2-02/NS), Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng (đối với công trình cấp bằng dự toán, theo mẫu số C2-03/NS) của Quyết định số 759/QĐ-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Trường hợp người đại diện đơn vị không có tài khoản thì Kho bạc Nhà nước căn cứ vào đề nghị của chủ đầu tư để kiểm soát, thanh toán bằng tiền mặt cho người đại diện đơn vị thi công. Người đại diện đơn vị thi công thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công xây dựng gói thầu.

2. Đối chiếu số liệu, quyết toán vốn tại Kho bạc Nhà nước:

2.1. Đối chiếu, xác nhận và cung cấp số liệu:

- Kho bạc Nhà nước huyện thực hiện đối chiếu, xác nhận vào báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn theo đề nghị của chủ đầu tư.

- Kho bạc Nhà nước xác nhận về các chỉ tiêu cơ bản: Kế hoạch vốn, dự toán năm, khối lượng công việc thực hiện theo hồ sơ gửi Kho bạc Nhà nước, số tạm ứng, thanh toán. Bộ phận kiểm soát chi là đầu mối thực hiện đối chiếu, xác nhận số liệu về tất cả các dự án thành phần.

2.2. Quyết toán tại Kho bạc:

- Hết năm kế hoạch Kho bạc Nhà nước xác nhận số thanh toán trong năm, lũy kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ năm kế hoạch cho từng dự án theo đề nghị của Chủ đầu tư.

- Kết thúc xây dựng, hoàn thành bàn giao công trình, Kho bạc Nhà nước xác nhận số vốn đã thanh toán để chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán vốn theo quy định.

- Trường hợp số vốn đã thanh toán lớn hơn so với quyết toán được duyệt, Kho bạc Nhà nước phối hợp với chủ đầu tư thu hồi số vốn chênh lệch của đơn vị nhận thầu và xử lý theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 12. Quyết toán vốn đầu tư.

Vốn đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tất cả các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp xã và các dự án được cơ quan có thẩm quyền cấp trên giao Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo đúng chế độ quy định về quản lý tài chính hiện hành và các quy định cụ thể tại Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Chủ đầu tư có thể thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng cho từng hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình sau khi hạng mục công trình, công trình hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng theo yêu cầu của người quyết định đầu tư.

1. Thời gian quyết toán: Khi dự án đầu tư xây dựng công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; chậm nhất sau 03 tháng, Ủy ban nhân dân xã (chủ đầu tư) phải lập xong báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Chậm nhất sau 02 tháng, đơn vị chức năng của huyện phải thực hiện xong công tác thẩm tra báo

cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

2. Thủ tục quyết toán thực hiện theo Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước, hồ sơ gồm:

- Các biểu mẫu báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo biểu mẫu số 01/QTDA, số 02/QTDA.

- Các hợp đồng tư vấn, biên bản thanh lý hợp đồng giữa chủ đầu tư với các đơn vị tư vấn, nhà thầu (bản gốc).

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng (bản gốc).

- Toàn bộ các bản quyết toán khối lượng A - B (bản gốc).

Các tài liệu trên được đóng thành 01 bộ hồ sơ “Báo cáo quyết toán dự án (công trình) hoàn thành” gửi phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện đề nghị thẩm tra quyết toán theo quy định.

3. Trình tự thực hiện quyết toán dự án hoàn thành

- Ủy ban nhân dân xã gửi phòng Tài chính - kế hoạch cấp huyện (đơn vị chủ trì Tổ thẩm tra quyết toán) “Báo cáo quyết toán công trình hoàn thành” để thẩm tra;

- Tổ thẩm tra quyết toán của huyện tiến hành thẩm tra “Báo cáo quyết toán công trình hoàn thành”;

- Phòng Tài chính - Kế hoạch trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ngành

1. Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành chuyên môn chịu trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thiết kế điển hình đối với các công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản. Đồng thời, ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện đầu tư công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Ban Dân tộc chịu trách nhiệm theo dõi quá trình thực hiện, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Quy định này cho phù hợp với tình hình mới.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn việc thanh quyết toán đối với công trình thi công áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình theo Quy định này.

3. Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm hướng dẫn việc thanh toán, tạm ứng vốn đối với công trình do nhóm cộng đồng thực hiện.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Hàng năm, trên cơ sở đề xuất danh mục công trình của Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp, lập tờ trình báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định danh mục công trình cho năm sau; báo cáo Ban Dân tộc tỉnh thẩm định

danh mục công trình thuộc Chương trình 135; báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định danh mục công trình xây dựng nông thôn mới.

2. Trên cơ sở văn bản trả lời của tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định danh mục các công trình được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù theo Quy định này để cấp xã tổ chức triển khai đầu tư.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện Quy định này trên địa bàn xã.

Điều 16. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn phản ánh về Ban Dân tộc tỉnh để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Đàm Văn Eng